

Số: 2701 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng Khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng (đợt 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội;

Căn cứ Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh bổ sung khoản 10a Điều 40 của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để phục vụ bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng, xã Cát Hải, huyện Phù Cát;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án trên địa bàn xã Cát Hải, huyện Phù Cát thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội tại Tờ trình số 30/TTr-HĐBT ngày 03/7/2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 900/TTr-STNMT ngày 23/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng Khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng (đợt 2), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **2.480.008.694 đồng** (Hai tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, không trăm lẻ tám nghìn, sáu trăm chín mươi bốn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 2.426.622.989 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 48.532.460 đồng.
- Chi phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 4.853.246 đồng.

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Nhà đầu tư.

(Chi tiết như Phụ lục số 01, 02 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.!

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG
DO GPMB DỰ ÁN KHU NGHỈ DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (ĐỢT 2)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
				Tiền bồi thường, hỗ trợ đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Giá trị BT, HT (đồng)
1	Đặng Văn Thành (chết) - vợ Trần Thị Lan - con Đặng Văn Hà (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	33,30	1.948.050	0	316.350	4.495.500	6.759.900
2	Đặng Thanh Tư - con Đặng Thanh Trâm (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	497,80	29.121.300	10.463.099	2.887.240	67.203.000	109.674.639
3	Đông Thanh Hương	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	907,90	53.112.150	11.658.591	5.265.820	130.828.500	200.865.061
4	Huỳnh Khá (chết) - con Huỳnh Thừa (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	436,40	25.529.400	15.701.274	2.531.120	64.422.000	108.183.794
5	Mai Xuân Cảnh (chết) - vợ Trần Thị Sáu (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	532,30	31.139.550	9.671.426	5.757.350	80.122.500	126.690.826
6	Mai Xuân Cảnh (chết) - con Mai Sào (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	471,70	27.594.450	11.194.778	2.735.860	71.941.500	113.466.588
7	Đặng Thị Năm - cháu Nguyễn Võ Lâm (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	370,30	21.662.550	7.879.814	10.423.000	55.498.500	95.463.864
8	Nguyễn Cư - con Nguyễn Võ Lâm (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	399,70	23.382.450	11.810.926	7.920.060	53.959.500	97.072.936

9	Đỗ Thị Xuân - con Trần Vinh (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	609,80	35.673.300	13.089.071	6.135.300	97.470.000	152.367.671
10	Trương Thanh Tùng (chết) - vợ Đỗ Thị Dung (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	318,10	18.608.850	20.413.533	1.963.780	42.943.500	83.929.663
11	Võ Dương Hà	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	1.348,20	78.869.700	21.260.657	19.824.560	182.007.000	301.961.917
12	Võ Yên (chết) - Nguyễn Thị Đỗ (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	1.408,50	82.397.250	28.667.431	10.759.300	206.671.500	328.495.481
13	Võ Chung (chết) - Võ Văn Mười (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	761,50	44.547.750	16.269.249	5.751.446	108.310.500	174.878.945
14	Nguyễn Lương	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	1.053,10	61.606.350	23.210.183	6.383.380	150.430.500	241.630.413
15	Võ Thị Kim Thoa - con Đồng Thị Hạnh (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	409,70	23.967.450	574.000	2.707.460	55.309.500	82.558.410
16	Lê Tồn Căn - con Lê Văn Nghĩa (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	494,80	28.945.800	6.709.241	16.061.840	72.306.000	124.022.881
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ							2.348.022.989
B	Giá trị hỗ trợ di chuyển mồ mã (Theo Phụ lục số 02)							78.600.000
C	Chi phí GPMB 2%							48.532.460
D	Chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế 0,2%							4.853.246
E	Tổng cộng (A+B+C+D)							2.480.008.694

Phụ lục số 02

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỖ TRỢ DI CHUYỂN MỘ MẢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN KHU NGHỈ DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Số lượng	Loại mộ		Giá trị hỗ trợ (đồng)
				Mộ xây	Mộ đất	
1	Đỗ Văn Hùng	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	14		14	7.000.000
2	Phan Minh Thái	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	44		44	22.000.000
3	Phan Minh Bình	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	25		25	12.500.000
4	Đặng Văn Thao	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	1	1		500.000
5	Huỳnh Năm	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	7	6	1	3.500.000
6	Mai Tấn Công	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	4		4	2.000.000
7	Dương Thị Tiên	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	12	3	9	6.000.000
8	Trần Văn Trọng	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	6	3	3	3.000.000
9	Nguyễn Thi	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	2	2		1.000.000
10	Trần Ngọc Kính	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	1	1		500.000
11	Võ Công Đức	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	2	1	1	1.000.000
12	Mai Sào	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	1	1		6.100.000
13	Lê Văn Tài	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	2	1	1	1.000.000
14	Lê Tồn Căn	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	2		2	1.000.000
15	Nguyễn Công Tích	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	3	3		1.500.000
16	Lê Đức Duy	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	1	1		500.000
17	Võ Ngọc Ân	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	1	1		500.000
18	Lê Văn Tốt	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	1		1	500.000
19	Phạm Văn Thanh	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	3		3	1.500.000
20	Lê Thái Hùng	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	1		1	500.000
21	Trần Đình Sơn	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	6		6	3.000.000
22	Mộ chưa có thân chủ kê khai, đại diện UBND xã Cát Hải	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	7		7	3.500.000
Tổng cộng						78.600.000